

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2023

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông **Nguyễn Văn Trước**
2. Ông **Trần Thanh Khen**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thế Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Xuân Nga** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 641/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Minh B**, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị **Phan Thu T**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Minh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau anh và chị Phan Thu T đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2011 tại UBND xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau.

Bản thân anh đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không được. Anh và chị T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thu T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Kiến V, sinh ngày 18/9/2012 hiện do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Phan Thu T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Minh B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Minh B được ly hôn với chị Phan Thu T.

Về con chung: Giao cháu Lê Phan Minh T, sinh ngày 18/9/2012 cho chị Phan Thu T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Lê Minh B phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Lê Minh B khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Phan Thu T có địa chỉ tại xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Lê Minh B có đơn xin vắng mặt xét xử và bị đơn Phan Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh B và chị Phan Thu T kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống anh và chị T không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2023 của bà Phan Thị Minh T là mẹ ruột của chị Phan Thu T trình bày: chị T và anh B không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, chị T biết việc anh B yêu cầu ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn do vợ chồng không còn sống chung với nhau đã lâu nhưng do chị T bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết được.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, từ năm

2012 cho đến nay anh B và chị T không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên chị T cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng chị vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh B.

Vì vậy, có căn cứ để xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của anh B yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: anh B và chị T có 01 con chung tên Lê Kiến V, sinh ngày 18/9/2012, đến ngày 16/7/2015 được thay đổi tên thành Lê Phan Minh T.

Xét, cháu Lê Phan Minh T hiện trên 07 tuổi nhưng do cháu bị khuyết tật trí tuệ có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu về việc cháu có nguyện vọng sống với ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2023 của bà Phan Thị Minh T là mẹ ruột của chị Phan Thu T trình bày: cháu T hiện do chị T nuôi dưỡng có bà phụ chăm sóc cháu; theo bà biết thì khi ly hôn chị T cũng đồng ý nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Thiên hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2012 đến nay, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh B. Giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh B không yêu cầu giải quyết và bị đơn chị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc anh Lê Minh B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Minh B được ly hôn với chị Phan Thu T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Phan Minh T, sinh ngày 18/9/2012 cho chị Phan Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Lê Minh B nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh B nộp đã nộp theo biên lai thu số 0004518 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên anh B không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ánh Tuyết

